

Số: 1005/QĐ-UBND

An Giang, ngày 08 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao
tỉnh An Giang giai đoạn 2018 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 5/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Công văn số 1345/BNN-VPĐP ngày 08/02/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 3379/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 về thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh An Giang giai đoạn 2018 - 2020.

Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao gồm 19 tiêu chí, 35 chỉ tiêu, là cơ sở để các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục phấn đấu để đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao sẽ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với bộ tiêu chí quy định của Trung ương và tình hình thực tế ở địa phương.

Điều 2. Phân công các sở, ngành phụ trách từng tiêu chí, chỉ tiêu như sau:

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện tiêu chí 1 về quy hoạch và tiêu chí 9 về nhà ở dân cư;

2. Sở Giao thông vận tải, chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện tiêu chí 2 về giao thông;

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện tiêu chí 3 về Thủy lợi, tiêu chí 13 về tổ chức sản xuất và các chỉ tiêu 17.1; 17.2; 17.3 ;17.5 của tiêu chí 17 về môi trường;

4. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện tiêu chí 5 về trường học và tiêu chí 14 về giáo dục;

5. Sở Công Thương chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện tiêu chí 4 về điện và tiêu chí 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn;

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện tiêu chí 6 về cơ sở vật chất văn hoá và tiêu chí 16 về văn hóa;

7. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện tiêu chí 8 về thông tin và truyền thông

8. Cục Thống kê tỉnh chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện tiêu chí 10 về thu nhập;

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện tiêu chí 11 về hộ nghèo và tiêu chí 12 về lao động có việc làm;

10. Bảo hiểm xã hội tỉnh chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 15.1 của tiêu chí 15 về y tế;

11. Sở Y tế chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 15.2 của tiêu chí 15 về y tế;

12. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 17.4 của tiêu chí 17 về môi trường;

13. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu 18.1; 18.2; 18.3 của tiêu chí 18 về hệ thống chính trị;

14. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 18.4 của tiêu chí 18 về hệ thống chính trị;

15. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 19.1 của tiêu chí 19 về quốc phòng và an ninh;

16. Công an tỉnh chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 19.2 của tiêu chí 19 về quốc phòng và an ninh.

Điều 3. Căn cứ vào hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; các sở, ngành, cơ quan liên quan hướng dẫn, tiêu chuẩn chuyên ngành hoặc quy định khung đối với các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Điều 1 của Quyết định này, gửi

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh ban hành hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020.

Các sở, ngành, cơ quan liên quan phụ trách hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020 thực hiện báo cáo định kỳ 03 tháng (vào ngày 15/3), 06 tháng (vào ngày 15/6), 09 tháng (vào ngày 15/9), báo cáo năm (vào ngày 15/12) và báo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BCĐ các CTMTQG Trung Ương;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND;
- Sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- VPĐPNTM tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- UBND huyện, thị, thành phố;
- Báo, Đài PTTH AG, Phân xã AG (phổ biến);
- Phòng KT, TH, XDCB, NC, VHXX, HCTC;

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lâm Quang Thi

**BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2018 - 2020**

(Đính kèm Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của UBND tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Chỉ tiêu tiêu chí
I	QUY HOẠCH			
1	Quy hoạch	1.1 Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch chung xây dựng, thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung quy hoạch phù hợp với thực tế địa phương	Đạt/Chưa	Đạt
		1.2 Không có tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý quy hoạch chung xây dựng	Đạt/Chưa	Đạt
II	HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	%	100
		2.2. Tỷ lệ Km đường trục ấp, liên ấp được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	%	≥70
		2.3. Tỷ lệ Km đường ngõ, xóm (đường dân sinh) được cứng hóa, sạch, không lầy lội vào mùa mưa	%	100
		2.4. Tỷ lệ Km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	%	≥70
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích nông nghiệp trên địa bàn xã đảm bảo nhu cầu tưới, tiêu phục vụ sản xuất	%	≥95
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt/Chưa	Đạt
4	Điện	Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện thường xuyên và đảm bảo an toàn điện	%	≥99
5	Trường học	Trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS, THPT được công nhận đạt chuẩn quốc gia	%	50
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1 TTVH - HTCĐ (hoặc nhà văn hóa xã) được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả	Đạt/Chưa	Đạt
		6.2 Có mô hình điểm trong sinh hoạt văn hóa, thể thao có thể nhân rộng và phát huy có hiệu quả	Đạt/Chưa	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Không có các tụ điểm kinh doanh tự phát trên địa bàn ngoài khu vực đã quy hoạch chợ	Đạt/Chưa	Đạt
8	Thông tin và truyền thôn	Đảm bảo cung cấp tỷ lệ hồ sơ giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 theo quy định.	Đạt/Chưa	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ dân có nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng	%	≥85

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Chỉ tiêu tiêu chí
III KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT				
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm.: - Năm 2018 - Năm 2019 - Năm 2020	Triệu đồng	50 55 60
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	≤2
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	%	≥65
13	Tổ chức sản xuất	13.1 Hợp tác xã hoạt động theo luật HTX 2012 có hiệu quả và được nhân rộng	Đạt/Chưa	Đạt
		13.2 Thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã phù hợp với định hướng tái cơ cấu Ngành Nông nghiệp..	Đạt/Chưa	Đạt
IV VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG				
14	Giáo dục	Đạt chuẩn xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 2 (phần đầu mức độ 3)	Đạt/Chưa	Đạt
15	Y tế	15.1 Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	≥95
		15.2 Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch, không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm	Đạt/Chưa	Đạt
16	Văn hóa	16.2 Tỷ lệ áp dụng chuẩn văn hóa theo quy định	%	100
17	Môi trường	17.1 Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh theo quy định (trong đó 90% số hộ sử dụng nước từ hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung, 10% hộ dân sử dụng nước từ hệ thống cấp nước nhỏ lẻ quy mô hộ gia đình).	%	100
		17.2 Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥80
		17.3 Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	≥80
		17.4 Tỷ lệ rác thải sinh hoạt trên địa bàn được thu gom và xử lý theo quy định	%	≥70
		17.5 Tỷ lệ hộ có cảnh quan nơi ở “xanh - sạch - đẹp”	%	≥70
V HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
18	Hệ thống chính trị	18.1 Tất cả cán bộ, công chức xã đạt chuẩn được xếp lương theo ngạch bậc công chức hành chính theo quy định	Đạt/Chưa	Đạt
		18.2 Xã có Quyết định phân công, bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ chuyên trách xây dựng nông thôn mới theo quy định	Đạt/Chưa	Đạt
		18.3 Thực hiện tốt các quy định pháp luật về dân chủ ở cơ sở	Đạt/Chưa	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Chỉ tiêu tiêu chí
		18.4 Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về giải quyết thủ tục hành chính xã	%	90
19	Quốc phòng - An ninh	19.1 Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng Dân quân và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt/Chưa	Đạt
		19.2 An ninh trật tự được bảo đảm; nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; có các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt/Chưa	Đạt